

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐQT-PC ngày tháng
năm 2018 của HĐQT của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này tuân theo Quy định về công tác văn bản và quản lý văn bản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản	2
Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản	2
Chương II.....	3
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	3
Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng thường niên.....	5
Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	6
Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	6
Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	8
Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Chương III	9
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị	10

Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 22. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Chương IV	13
TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	13
Điều 24. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	14
Chương V.....	14
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT.....	14
Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 26. Đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát	15
Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 15	
Chương VI	16
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	16
CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	16
Điều 30. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro.....	17
Điều 31. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự.....	17
Chương VII.....	18
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....	18
Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành	18
Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành.....	19
Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành	20
Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	20
Điều 36. Miễn nhiệm Người điều hành khác.....	21
Chương VIII	21
QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....	21
Điều 37. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành	21

Điều 38. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	22
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành.....	23
Chương IX	23
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	23
Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành.....	24
Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động	24
Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ	25
Điều 43. Khen thưởng	25
Điều 44. Kỷ luật	25
Chương X.....	25
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG.....	25
Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	26
Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng	26
Điều 47. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng	26
Chương XI	27
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	27
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng	27
Điều 49. Giao dịch với người có liên quan	27
Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng	28
Chương XII.....	28
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	28
Điều 51. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.....	28

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 06 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số .../TN2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2018;

Căn cứ Nghị quyết số .../TN2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2018 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày/.../2018 và thay thế Quyết định số 620/QĐ-NHNT.HĐQT ngày 31/10/2012 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thống đốc NHNN (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CL&TKTH, PC.

Nghiêm Xuân Thành

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐQT-PC ngày tháng năm 2018 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”), bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Người điều hành;
5. Người phụ trách quản trị Ngân hàng;
6. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
7. Báo cáo và công bố thông tin

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành khác và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này.
3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Quản trị Ngân hàng:** là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan của cổ đông;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.
2. **Cổ đông lớn của Ngân hàng:** là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
3. **Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”):** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.
4. Người **phụ trách quản trị Ngân hàng:** là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 46 Quy chế này.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật được áp dụng.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế.
3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
6. Minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông còn có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 20 (hai mươi) ngày trước ngày Ngân hàng gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông và phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

1.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày

kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1.2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu giấy ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác dự họp thay;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung hướng dẫn về cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Trường hợp cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật mà không dự họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì việc ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

4. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;

5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác;

6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất Báo cáo đánh giá toàn diện về các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm ít nhất các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch và định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong kỳ;

2. Định hướng và biện pháp triển khai trong thời gian tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng;

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.

2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp một “Thẻ biểu quyết” do Ngân hàng phát hành, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

4. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc phiếu không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá 03 (ba) người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Việc kiểm phiếu đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu vào từng thời điểm, Đại hội đồng cổ đông thống nhất chỉ định một tổ chức trung lập để thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất.

6. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thư ký cuộc họp ghi chép và lập biên bản họp. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tất cả cổ đông của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục được quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đã được thông qua, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại các Điều 38, 39 của Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban điều hành), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành.

5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phương thức gửi biên bản kết quả kiểm phiếu có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ngân hàng chi trả. Khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tự chịu mọi chi phí phát sinh, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

c) Có bằng đại học trở lên;

d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh

nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

- e) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;
- f) Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai)

ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- f) Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng;
- c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
- d) Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 22. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị Ngân hàng;

d) Không bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị;

g) Bị rối loạn tâm thần và thành viên Hội đồng quản trị khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

h) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Ngân hàng với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;

i) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Chương IV

TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 24. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 (một) bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 (một) bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

Chương V

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Từ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
5. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng;
6. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
7. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.

Điều 26. Đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Ngân hàng;
- b) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
- d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Pháp luật.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

5. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Trưởng Ban kiểm soát.

6. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

7. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất quyết định.

8. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

9. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Chương VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban sau:

- a) Ủy ban quản lý rủi ro;
- b) Ủy ban nhân sự;
- c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

Việc thành lập các Ủy ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập Hội đồng quản trị được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý Rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.

d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 30. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro

1. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 31. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự

1. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự do Hội đồng quản trị ban hành.

Chương VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành

1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:

- a) Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;
- c) Được tin nhiệm trong cương vị công tác, nằm trong quy hoạch nguồn cán bộ của Ngân hàng;
- d) Không thuộc đối tượng không được làm cán bộ quản lý lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật;
- e) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;
- f) Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt và trung thực.
- h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;
- e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này;

b) Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

4. Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.

5. Phó Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;

b) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc khối.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 59 Điều lệ Ngân hàng.

b) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.

c) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

e) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm c khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản

cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.

Điều 36. Miễn nhiệm Người điều hành khác

Việc miễn nhiệm Người điều hành khác thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Chương VIII

QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 37. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành

1. Quan hệ công tác trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí và các nội dung có liên quan khác thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện thay mặt Ngân hàng trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với báo chí (trừ công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng). Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban điều hành thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, sau khi tham dự, người được uỷ quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng quản trị nắm bắt đầy đủ nội dung.

b) Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.

c) Các phòng/ban/trung tâm có liên quan tại Trụ sở chính chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.

2. Quan hệ công tác trong triển khai các nhiệm vụ được giao được thực hiện như sau:

a) Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó

Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).

b) Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

c) Thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc quy định tại Phụ lục số 1.

d) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu.

e) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.

f) Ban điều hành và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

g) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

3. Tổng Giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo Phụ lục số 1 đính kèm. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công/giao.

Điều 38. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

3. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác gửi cho Ban kiểm soát 01 (một) biên bản họp này.

2. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc quy định tại Phụ lục số 1.

3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban điều hành và Người điều hành đó được phân công thực hiện.

4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, thành viên Ban điều hành hoặc Người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

5. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

6. Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Chương IX

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

- a) Tự nhận xét đánh giá;
- b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 (sáu) tháng;
- c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
- d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
- e) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh khác do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

4. Tổng giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;

2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Ngân hàng, chủ trương, chính sách của Ngân hàng và quy định của Pháp luật;

3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;

4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;

5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Ngân hàng.

Điều 43. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 44. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm. Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Chương X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 47. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Chương XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các hợp đồng giao dịch của đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 49. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng thông qua việc kiểm soát các hợp đồng, giao dịch mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Ngân hàng.

3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.

Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng

1. Ngân hàng phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương XII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Xuân Thành

PHỤ LỤC SỐ 1: DANH MỤC BÁO CÁO

(Kèm theo Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH KỲ	NGƯỜI CHỈ ĐẠO LẬP BÁO CÁO	PHÒNG ĐẦU MỐI	THỜI HẠN GỬI BÁO CÁO	NƠI NHẬN
1	Báo cáo tín dụng	Tuần/Quý/Năm	Giám đốc khối Bán buôn	Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	5 (năm) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
2	Báo cáo đánh giá hoạt động kinh doanh bán lẻ	Tháng/Quý/Năm	Giám đốc khối Bán lẻ	Phòng Chính sách Sản phẩm Bán lẻ	7 (bảy) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
3	Báo cáo đánh giá tình hình huy động vốn và sử dụng vốn (trong và ngoài nước)	Tuần/Quý/Năm	Phó TGD phụ trách khối Vốn	Phòng ALM	5 (năm) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
4	Báo cáo đánh giá tình hình tài chính	Tháng/Quý/Năm	Phó TGD phụ trách khối Tài chính	Phòng Chính sách tài chính kế toán	7 (bảy) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
5	Báo cáo đánh giá hoạt động đầu tư từ nguồn vốn tự có	6 tháng/năm	Phó TGD phụ trách khối Đầu tư	Phòng Đầu tư	30 (ba mươi) ngày sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
6	Báo cáo đánh giá hoạt động XDCB trong hệ thống	6 tháng/năm	Phó TGD phụ trách XDCB	Phòng Quản lý Xây dựng Cơ bản	30 (ba mươi) ngày sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
7	Báo cáo tỷ lệ hoạt động an toàn	Hàng tháng	Chủ nhiệm ALCO	Phòng Quản lý Rủi ro Thị trường	7 (bảy) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
8	Báo cáo rủi ro tín	Tháng/Quý/Năm	Phó TGD phụ trách	Phòng Phê duyệt	7 (bảy) ngày làm việc sau	Thành viên HĐQT

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH KỲ	NGƯỜI CHỈ ĐẠO LẬP BÁO CÁO	PHÒNG ĐẦU MỐI	THỜI HẠN GỬI BÁO CÁO	NƠI NHẬN
	dụng		Rủi ro	Tín dụng	khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
9	Báo cáo rủi ro thị trường	Tháng/Quý/Năm	Phó TGD phụ trách khối Rủi ro	Phòng Quản lý Rủi ro Thị trường	7 (bảy) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
10	Báo cáo rủi ro hoạt động	Tháng/Quý/Năm	Phó TGD phụ trách khối Rủi ro	Phòng Quản lý Rủi ro Hoạt động	7 (bảy) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
11	Báo cáo hoạt động của UBQLRR	Quý/Năm	Chủ nhiệm UBQLRR	Thư ký UBQLRR	10 (mười) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH
12	Báo cáo đánh giá hoạt động công nghệ thông tin định kỳ	6 Tháng/Năm	Phó Tổng giám đốc phụ trách công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ Thông tin	10 (mười) ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn lập báo cáo	Thành viên HĐQT Thành viên BDH Trưởng BKS; Ban CL&TKTH

PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
1.	Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh 1.2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng được quy định tại Điều lệ Ngân hàng, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các bộ phận liên quan khác của Ngân hàng.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định những vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Người điều hành; 5. Người phụ trách quản trị ngân hàng; 6. Ngăn ngừa xung đột lợi ích; 7. Báo cáo và công bố thông tin.	Phù hợp với khoản 1 Điều 1 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP
2.	Điều 2. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh 1.2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng được quy định tại Điều lệ Ngân hàng, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các bộ phận liên quan khác của Ngân hàng.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau: 1. <u>Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông.</u> 2. <u>Thành viên</u> Hội đồng quản trị, <u>thành viên</u> Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, <u>Người điều hành khác và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này.</u> 3. <u>Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến</u> Ngân hàng.	Tách Đối tượng áp dụng ra thành 1 Điều khoản riêng, thay đổi cách diễn đạt để sát với nội dung văn bản và tuân thủ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
3.	Điều 4. Giải thích từ ngữ Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Ngân hàng cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này, trừ thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” có nghĩa như được quy định tại Điều 29 của Quy chế này.	Điều 3. Giải thích từ ngữ <i>Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</i> 1. Quản trị Ngân hàng: là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm: a) <i>Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</i> b) <i>Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;</i> c) <i>Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan của cổ đông;</i>	Bổ sung thêm định nghĩa một số thuật ngữ được sử dụng nhiều hoặc chưa rõ nghĩa tại văn bản, có tham khảo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</p> <p>e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>2. Cổ đông lớn của Ngân hàng: là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”): là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Ngân hàng: là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 46 Quy chế này.</p> <p>Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p>	
4.	45.2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Ngân hàng về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Ngân hàng được ưu tiên áp dụng	<p>Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản</p> <p>1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật được áp dụng.</p> <p>2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định của Quy chế này khác với quy định tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.</p>	Chỉnh sửa Điều này cho phù hợp với khoản 1 Điều 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
5.	<p>Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản</p> <p>Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và <u>hướng tới</u> chuẩn mực quốc tế; - Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, - Đối xử công bằng giữa các cổ đông. 	<p>Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản</p> <p>2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và <u>phù hợp</u> với chuẩn mực, <u>thông lệ</u> quốc tế.</p> <p>3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông</p>	Về cơ bản, nội dung điều này không thay đổi, chỉ bổ sung một vài từ cho rõ nghĩa hơn (từ in nghiêng).

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
6.	Điều 3. Cơ cấu quản trị ngân hàng Cơ cấu quản trị Ngân hàng gồm có: – Đại hội đồng cổ đông; – Hội đồng quản trị; – Ban kiểm soát; – Ban điều hành; – Người quản lý Ngân hàng.	Bỏ nội dung này	Cơ cấu quản trị Ngân hàng đã được quy định tại Điều lệ Ngân hàng và được quy định tại từng Chương, Mục, Điều của mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
7.	CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Chương này được sửa đổi cho phù hợp với Mục 1 mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
8.	Điều 5. Quyền của cổ đông 5.1 Quyền được đối xử bình đẳng giữa các cổ đông Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua 5.2 Những quyền cơ bản khác của cổ đông: Cổ đông của Ngân hàng có những quyền cơ bản sau đây: – Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng; – Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Ngân hàng theo quy định về công bố thông tin; – Được tham gia hoặc uỷ quyền cho đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng; – Được đề nghị hủy các quyết định, nghị quyết của Đại hội	Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông 1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông còn có các quyền sau đây: a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật. 2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của pháp luật.	Trình bày lại cho phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị mà các quyết định, nghị quyết đó vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của Pháp luật và có quyền yêu cầu Ngân hàng bồi thường trong các trường hợp trên theo trình tự, thủ tục do Pháp luật quy định. Trong trường hợp các quyết định, nghị quyết vi phạm Pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Ngân hàng, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành phải đền bù cho Ngân hàng theo trách nhiệm của mình;</p> <p>–Được từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán;</p> <p>–Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của Pháp luật.</p>		
9.	<p>Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>7.1 Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý</p>	<p><i>Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p><i>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 20 (hai mươi) ngày trước ngày Ngân hàng gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông và phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến</u>. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</i></p> <p>1.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội</p>	<p>Bổ sung các nội dung in nghiêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung sửa đổi dựa trên quy định tại điểm a, b mục 1 mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC. - Nội dung sửa đổi được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp 2014, khoản 2 Điều 34 Điều lệ Ngân hàng.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>kiến bằng văn bản.</p> <p>7.2 Hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p>đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>1.2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>2. <i>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</i></p> <p>3. <i>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	
10.	<p>Điều 6. Đại hội đồng cổ đông và vai trò trong quản trị Ngân hàng</p> <p>6.1 Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>6.2 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>6.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Ngân hàng.</p>	Bỏ các quy định này	Bỏ vì nội dung này đã quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC cũng không quy định nội dung này.
11.	<p>Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>8.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối</p>	Bỏ các quy định này	Bỏ khoản 8.1 vì không cần quy định lặp lại Điều lệ Ngân hàng. Bỏ Khoản 8.6, khoản 8.7 vì đã

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>toàn bộ các công việc liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, bao gồm cả việc đề xuất chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, đảm bảo phù hợp với quy định của Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.</p> <p>8.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền từ chối những đề xuất đưa thêm các vấn đề vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại khoản 6 Điều 34 của Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp được đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các đề xuất này chỉ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>8.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 8.6 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>		được quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 34 Điều lệ Ngân hàng.
12.	Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	<p>Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, 01 (một) tờ báo trung</p>	Nội dung sửa đổi này dựa trên quy định tại điểm b khoản 1 mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC. Nội dung Điều 8 được xây dựng

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	8.5. Chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo và bảo đảm các bộ phận liên quan đã hoàn thành việc gửi tài liệu mời họp tới các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	<p>ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.</p> <p>2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Mẫu giấy ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác dự họp thay;</p> <p>e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung hướng dẫn về cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	căn cứ quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp năm 2014, khoản 3 và khoản 4 Điều 34 Điều lệ.
13.	Chưa có	<p>Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 8 Quy chế này.</p> <p>2. Trường hợp cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật mà không dự họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì việc ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>Nội dung sửa đổi này được xây dựng dựa trên quy định tại điểm c khoản 1 mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.</p> <p>Nội dung Điều 9 được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp 2014, Điều 35 Điều lệ Ngân hàng.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	
14.	<p>Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p><u>8.4 Ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông bao gồm ít nhất</u> các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình hoạt động của Ngân hàng trong năm tài chính; - <u>Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động</u> của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các <u>nghị quyết/quyết định</u> của Hội đồng quản trị; - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các <u>Phó Tổng giám đốc</u>; - Kết quả giám sát đối với <u>những Người quản lý Ngân hàng</u>; 	<p>Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p><u>Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác</u> của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị <u>theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng</u>; 2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị; 3. <u>Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có)</u>; 4. <u>Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị</u>; 5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và <u>Người điều hành khác</u>; 6. Các kế hoạch trong tương lai. 	Nội dung sửa đổi này dựa trên quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	- Các kế hoạch được kiến cho năm tài chính tiếp theo hoặc trong tương lai.		
15.	Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 8.2 Ít nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất Báo cáo đánh giá toàn diện về các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm ít nhất các nội dung sau:	Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>Chậm</u> nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất Báo cáo đánh giá toàn diện về các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm ít nhất các nội dung sau:	Nội dung này được sửa đổi để phù hợp với thực tế nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.
16.	Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 8.3. Ít nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, <u>Trưởng Ban kiểm soát chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất</u> Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát <u>tại</u> Đại hội đồng cổ đông <u>bao gồm ít nhất</u> các nội dung sau: - <u>Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;</u> - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các <u>quyết định</u> của Ban kiểm soát; - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng; - Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng;</u> - <u>Báo cáo</u> đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, <u>Ban điều hành</u> và cổ đông.	Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật,</u> Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát <u>trình</u> Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên phải đảm bảo</u> có các nội dung sau: <u>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</u> 2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các <u>kết luận, kiến nghị</u> của Ban kiểm soát; 3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng; 4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>Người điều hành khác;</u> 5. <u>Kết quả</u> đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, <u>Tổng giám đốc</u> và các cổ đông. 6. Các kế hoạch trong tương lai.	Nội dung sửa đổi căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
17.	Điều 9. Thủ tục biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 9.2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, <u>mỗi</u> cổ đông được phát một “Thẻ biểu quyết” do Ngân hàng phát hành với những ký hiệu đặc thù , trong đó có ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông,	Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông <u>hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp</u> một “Thẻ biểu quyết” do Ngân hàng phát hành, <u>trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên</u>	- Bổ sung nội dung người đại diện được ủy quyền của cổ đông cho phù hợp với quy định của Điều lệ Ngân hàng và thực tế. - Bổ sung thêm khoản 6 Điều 13

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	V.V..	<p><i>của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông <u>đó</u>.</i></p> <p><i>6. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</i></p>	cho phù hợp với khoản 6 Điều 36 Điều lệ Ngân hàng.
18.	<p>Điều 10. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>10.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được <u>ban thư ký</u> cuộc họp ghi chép và lập biên bản họp. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p>Điều 14. <u>Lập</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được <u>thư ký</u> cuộc họp ghi chép và lập biên bản họp. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p><i>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tất cả cổ đông của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</i></p> <p><i>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục được quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</i></p> <p><i>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đã được thông qua, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</i></p>	<p>- Bổ sung khoản 4 cho phù hợp với khoản 3 Điều 23 phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC và điểm h mục mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.</p> <p>- Bổ sung khoản 5, 6 Điều 14 cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2014 và khoản 3 Điều 41 Điều lệ Ngân hàng.</p>
19.	Điều 12. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Nội dung Điều 14 được xây dựng

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p><u>12.1. Quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông <u>phải được thông báo ra công chúng theo quy định của Pháp luật vào từng thời điểm.</u></p> <p>...</p> <p>12.3. Trong trường hợp vì lý do thực tế không thực hiện được quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc theo đề nghị của người liên quan báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, sửa đổi, bổ sung/hủy bỏ quyết định đã ban hành của mình tại cuộc họp thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p><u>1. Nghị quyết hợp lệ</u> của Đại hội đồng cổ đông <u>có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</u></p>	<p>dựa trên quy định tại khoản 5 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
20.	<p>Điều 11. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>11.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>quyết định</u>.</p> <p>11.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.</u></p> <p>11.5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phương thức gửi biên bản kết quả kiểm phiếu có thể là gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</p>	<p>Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</u></p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không phải là Người điều hành.</u></p> <p>5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên</u> Ban kiểm soát, <u>thành viên</u> Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phương thức gửi biên bản kết quả kiểm phiếu có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng. <u>Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u></p> <p>6. <u>Nghị quyết</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng</p>	<p>Bổ sung thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và các tài liệu khác đến cổ đông cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<u>11.6. Quyết định</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như <u>quyết định</u> được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	văn bản có giá trị như <u>ngợi quyết</u> được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
21.	Điều 13. Chi phí liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ngân hàng chi trả. Các cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải tự chịu các chi phí, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ngân hàng chi trả. <u>Khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> , các cổ đông phải tự chịu mọi chi phí phát sinh, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Diễn đạt lại từ ngữ cho phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 33 Điều lệ Ngân hàng.
22.	CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương III THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Nội dung sửa đổi dựa trên quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
23.	Điều 14. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị trong quản trị ngân hàng 14.1. Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này và được Đại hội đồng cổ đông bầu để quản lý Ngân hàng. 14.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập theo quy định của Luật	Bỏ các quy định này	Bỏ nội dung này vì quy định lặp lại nội dung tương ứng trong Điều lệ Ngân hàng và không có trong mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>các Tổ chức tín dụng.</p> <p>14.3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên trong Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>14.4. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>14.5. Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng; chịu trách nhiệm đề ra định hướng và chiến lược kinh doanh phát triển của toàn Ngân hàng trong năm và dài hạn để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; quản lý hoạt động của Ban Điều hành theo đúng các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.</p>		
24.	<p>Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>15.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện <u>theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng.</u></p>	<p>Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p><u>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</u></p>	<p>Điều 17 được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp 2014, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 48 Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>Điểm c khoản 1 Điều 18 cơ cấu lại thành điểm c và d, được sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>15.2. Thành viên <u>Hội đồng quản trị độc lập</u> phải đáp ứng các điều kiện độc lập theo quy định tại <u>điểm i khoản 1 Điều 1 của Điều lệ Ngân hàng</u> và điều kiện sau đây:</p> <p>—Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Ngân hàng trong hai (2) năm gần nhất;</p> <p>—Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Ngân hàng chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Ngân hàng trong hai (02) năm gần nhất.</p>	<p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực; và hiểu biết pháp luật;</p> <p>f) Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác.</p> <p>2. Thành viên <u>độc lập Hội đồng quản trị</u> phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại <u>khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn</u>, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ</p>	TCTD năm 2017.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	
25.	<p>Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>16.2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên <u>Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p>16.3. <u>Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên)</u> được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày <u>triệu tập</u> họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.</p> <p>Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p>	<p>Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên <u>được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị</u> được công bố tối thiểu <u>10 (mười) ngày</u> trước ngày <u>khai mạc</u> họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.</p> <p>4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu</p>	Khoản 3, khoản 4 Điều 18 được chỉnh sửa căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày tháng năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; - Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có). <p>16.4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cần trọng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; <u>b) Trình độ học vấn;</u> c) Trình độ chuyên môn; d) Quá trình công tác; e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có); f) Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có); <u>g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);</u> h) Các thông tin khác (nếu có). 	
26.	<p>16.5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc <u>phân chia số phiếu</u> bầu của mình cho một ứng cử viên.</p>	<p><i>Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc <u>một phần tổng số phiếu</u> bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.</p>	Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014, khoản 4 Điều 38 Điều lệ Ngân hàng.
27.		<p><i>Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành</p>	Căn cứ quy định tại Điều 35 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</p> <p>d) Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	52 Điều lệ Ngân hàng.
28.	16.6. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định <u>tại Điều 52 Điều lệ Ngân hàng.</u>	<p>Điều 22. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị Ngân hàng;</p> <p>d) Không bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập đối</p>	<p>- Nội dung khoản 1 Điều 22 chia thành hai trường hợp: “bãi nhiệm” và “miễn nhiệm” cho phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 156 Luật DN, Điều 36 Luật các TCTD.</p> <p>- Nội dung khoản 1 Điều 22 quy định về các trường hợp miễn</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>với thành viên độc lập Hội đồng quản trị; e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f) Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị; g) Bị rối loạn tâm thần và thành viên Hội đồng quản trị khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; h) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Ngân hàng với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị; i) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>nhiệm cho phù hợp với khoản 1 Điều 156 Luật DN, Điều 36 Luật các TCTD và Điều 52 Điều lệ VCB.</p> <p>- Bổ sung khoản 2 Điều 22 theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật DN và Điều 52 Điều lệ VCB.</p> <p>- Đây là tiêu chí quy định tại điểm d, e Mục 2 mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.</p> <p>- Thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
29.	<p>Điều 18. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị <u>Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng.</u></p>	<p>Chương IV TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị <u>Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p>	<p>Về cơ bản, nội dung điều này không thay đổi, chỉ bổ sung một vài từ cho rõ nghĩa hơn</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
30.	<p>Điều 19. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>19.1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>19.3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và chỉ mất hiệu lực khi bị Đại hội đồng cổ đông phủ quyết. Mọi bộ phận, cá nhân trong Ngân hàng, kể cả thành viên Hội đồng quản trị, đều có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>19.4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc phải nhanh chóng báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng để Hội đồng quản trị xem xét. Trường hợp Hội đồng quản trị không ban hành nghị quyết hoặc quyết định thay thế, Tổng giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành.</p>	<p>Điều 24. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 (một) bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 (một) bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.</p>	<p>- Bỏ nội dung tại Điều 19 Quy chế hiện hành do đã có trong Nghị định số 71/2017/NĐ-CP là căn cứ để xây dựng Quy chế này.</p> <p>- Thay thế bằng nội dung Điều 24 để phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 97/2017/TT-BTC</p>
31.	<p><u>CHƯƠNG IV</u></p> <p><u>BAN KIỂM SOÁT</u></p>	<p>Chương V</p> <p>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Đây là tiêu chí quy định tại Mục 4 mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.</p>
32.	<p>Điều 20. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban kiểm soát trong quản trị Ngân hàng</p> <p>20.1. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng</p>	<p>Bỏ điều khoản này</p>	<p>Bỏ nội dung này vì Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC không quy định.</p> <p>Nội dung này cũng đã được quy</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</p> <p>20.2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>20.3. Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Người quản lý Ngân hàng trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>20.4. Ban kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p>		<p>định tại Điều lệ Ngân hàng (Điều 61, 62 Điều lệ Ngân hàng): không cần thiết quy định lặp lại.</p>
33.	<p>Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>21.1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện <u>theo quy định tại Điều 67 của Điều lệ Ngân hàng.</u></p> <p>21.2. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng</p>	<p>Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p><u>1. Từ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</u></p>	<p>- Bỏ khoản 21.2 vì Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC không quy định.</p> <p>- Các nội dung sửa đổi còn lại dựa trên quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật các TCTD năm 2010; Điều 164 Luật DN 2014;</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng.</p> <p>e) Thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.</p>	<p><u>3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.</u></p> <p><u>4. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</u></p> <p><u>5. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.</u></p> <p><u>6. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</u></p> <p><u>7. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực hiểu biết luật pháp.</u></p>	Điều 20 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
34.	<p><u>Điều 22. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p><u>22.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại sẽ do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.</u></p> <p><u>22.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng cần</u></p>	<p><u>Điều 26. Đề cử thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p>1. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện <u>tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này.</u></p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát <u>thông qua</u> đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo <u>cơ chế quy định, tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.</u></p>	- Việc sửa đổi dựa trên quy định tại Điều 19 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>thiết thì Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo <u>một cơ chế do Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p>22.3. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.</p> <p>Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> –Họ tên, ngày tháng năm sinh; –Trình độ chuyên môn; –Quá trình công tác; –Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; –Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có); –Các thông tin khác (nếu có). 		
35.	<p><u>22.4. Các ứng cử viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>22.5. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban</u></p>	<p>Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát</p> <p><u>Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 20 Quy chế này.</u></p>	<p>Quy định theo hướng dẫn chiểu nhằm đảm bảo phù hợp và logic (không lặp lại).</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<u>kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên.</u>		
36.	22.6. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 68 Điều lệ Ngân hàng.</u>	<p><u>Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p><u>1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Ngân hàng;</u></p> <p><u>b) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</u></p> <p><u>c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</u></p> <p><u>d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</u></p> <p><u>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</u></p> <p><u>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</u></p> <p><u>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Năng lực dân sự bị hạn chế;</u></p> <p><u>b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p><u>c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Pháp luật.</u></p> <p><u>3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u></p> <p><u>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân</u></p>	<p>- Quy định dựa trên quy định tại Điều 68 Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>- Nội dung bảo đảm phù hợp với Điều 35, 36 Luật các TCTD 2010.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p><u>hàng;</u></p> <p><u>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.</u></p> <p><u>5. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Trưởng Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>6. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</u></p> <p><u>7. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất quyết định.</u></p> <p><u>8. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>9. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.</u></p>	
37.	Điều 23. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát 23.1. Ban kiểm soát họp định kỳ và bất thường. Các cuộc	Bỏ quy định này	- Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.</p> <p>23.2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>23.3. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng.</p> <p>23.4. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.</p> <p>23.5. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.</p>		<p>không quy định.</p> <p>- Trình tự, tổ chức cuộc họp BKS đã được quy định tại Điều 69 Điều lệ Ngân hàng.</p>
38.	<p>Điều 24. Quyết định của Ban kiểm soát</p> <p>24.1. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua theo quy định tại Điều 70 của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>24.2. Quyết định của Ban kiểm soát phải được gửi 01 bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và 01 bản cho Tổng giám đốc để biết, thực hiện ngay sau khi ban hành.</p>	Bỏ quy định này	<p>- Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC không quy định.</p> <p>- Quyết định của BKS đã được quy định tại Điều 70 Điều lệ Ngân hàng.</p>
39.		<p>Chương VI</p> <p>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>- Đây là tiêu chí quy định tại Mục 5 Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p><u>14.6. Giúp việc cho Hội đồng quản trị là các Ủy ban, bao gồm nhưng không hạn chế Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:</u></p> <p>a) Hội đồng quản trị <u>ra quyết định</u> thành lập các Ủy ban trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và/hoặc Ủy ban Nhân sự của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.</p>	<p><u>Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban sau:</u></p> <p>a) Ủy ban quản lý rủi ro;</p> <p>b) Ủy ban nhân sự;</p> <p>c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.</p> <p><u>Việc thành lập các Ủy ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị <u>quy định chi tiết về việc</u> thành lập Ủy ban, <u>trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập Hội đồng quản trị được cử tham gia Ủy ban.</u></p> <p>3. <u>Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:</u></p> <p>a) <u>Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các Ủy ban.</u> Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.</p>	<p>BTC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung sửa đổi phù hợp với khoản 5 Điều 152 LDN 2014 và Điều 54 Điều lệ Ngân hàng. - Nội dung sửa đổi phù hợp với khoản 6 Điều 43 Luật các TCTD. - Nội dung sửa đổi phù hợp với Điều 25, Điều 26 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2015/TT-NHNN).
40.		<p><u>Điều 30. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro</u></p> <p><u>Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro do Hội đồng quản trị ban hành.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung theo quy định tại Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC. - Bổ sung quy định cho phù hợp với thực tế hoạt động của Ủy ban quản lý rủi ro.
41.		<p><u>Điều 31. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự</u></p> <p><u>Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự được thực hiện theo quy</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung theo quy định tại Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<i>định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự do Hội đồng quản trị ban hành.</i>	tư số 95/2017/TT-BTC. - Bổ sung quy định cho phù hợp với thực tế hoạt động của Ủy ban nhân sự.
42.	<u>CHƯƠNG V</u> <u>BAN ĐIỀU HÀNH</u>	Chương VII NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	- Đây là tiêu chí quy định tại Mục 7 Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
43.	Điều 25. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị Ngân hàng 25.1. Ban điều hành gồm có Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm/thuê. 25.2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 25.3. Ban điều hành có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. 25.4. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước Pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công. 25.5. Tổng giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế làm việc của Ban điều hành/Quy chế điều hành của Tổng giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của	Bỏ điều khoản này	- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC không quy định. -Nội dung này đã được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quy định tại Quy chế này.		
44.	<p><u>Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm <i>Người quản lý Ngân hàng</i></u> <u>30.1. Người quản lý Ngân hàng</u> phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây: e. Có bằng đại học trở lên về một trong các <u>chuyên ngành</u> kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp; <u>30.2 Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng quản trị dựa trên các tiêu chuẩn nêu trên để tuyển người có năng lực, trình độ vào làm Người điều hành.</u></p> <p><u>Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban điều hành</u> 26.1. Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 59 của Điều lệ Ngân hàng.</u></p>	<p><u>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm <i>Người điều hành</i></u> <u>1. Người điều hành</u> phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:e) Có bằng đại học trở lên về một trong các <u>ngành</u> kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp; g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt và trung thực và hiểu biết pháp luật; <u>h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ</u></p> <p><u>2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</u> a) <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u> b) <u>Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</u> c) <u>Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</u> d) <u>Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực hiểu biết luật pháp.</u></p>	<p>Nội dung sửa đổi phù hợp với Điều 60 Điều lệ Ngân hàng. Điểm c khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD năm 2017. Khoản 4 được cơ cấu thành khoản 4 và 5, được chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD năm 2017.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p><i>e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</i></p> <p><i>3. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</i></p> <p><i>a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này.</i></p> <p><i>b) Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</i></p> <p><i>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.</i></p> <p><i>d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực hiểu biết luật pháp;</i></p> <p><i>....</i></p> <p><i>4. Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</i></p> <p><i>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;</i></p> <p><i>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.</i></p> <p><i>5. Phó Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</i></p>	

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p><i>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;</i></p> <p><i>b) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</i></p>	
45.	<p>Điều 27. Trình tự và thủ tục lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành</p> <p>27.1. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân sự của Hội đồng quản trị.</p> <p>27.2. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng giám đốc và đánh giá của Ủy ban nhân sự của Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 31. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản lý Ngân hàng</p> <p>31.1. Hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Người quản lý Ngân hàng trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc và/hoặc Ủy ban nhân sự của Hội đồng quản trị.</p> <p>31.2. Trong trường hợp Tổng giám đốc không đề xuất hoặc có đề xuất, nhưng xét thấy cần thiết và phục vụ cho lợi ích chung của Ngân hàng, Hội đồng quản trị có quyền xem xét và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý Ngân hàng.</p> <p>31.3. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	<p>Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.</p>	Về cơ bản giữ nguyên, chỉ bổ sung dẫn chiếu để có cơ chế thực hiện.
46.		<p>Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng</p>	- Nội dung sửa đổi phù hợp với điểm 7.c Mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc khối.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p>	<p>95/2017/TT-BTC.</p> <p>- Nội dung sửa đổi phù hợp với điểm i khoản 2 Điều 149 LDN 2014 và Điều lệ Ngân hàng.</p>
47.	<p><u>27.3. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban điều hành.</u></p>	<p>Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc</p> <p><u>1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 59 tại Điều lệ Ngân hàng.</u></p> <p><u>b) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.</u></p> <p><u>c) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</u></p> <p><u>d) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</u></p> <p><u>e) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</u></p> <p><u>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.</u></p> <p><u>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.</u></p> <p><u>3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm c khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại</u></p>	<p>Nội dung sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 35 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 60 Điều lệ Ngân hàng.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p><u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</u></p> <p><u>4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.</u></p> <p><u>Điều 36. Miễn nhiệm Người điều hành khác</u></p> <p><u>Việc miễn nhiệm Người điều hành khác thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.</u></p>	
48.	<p>Điều 28. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc</p> <p>28.1 Quyết định, chỉ đạo của Tổng giám đốc</p> <p>— Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được Hội đồng quản trị phân cấp, Tổng giám đốc được toàn quyền ra các quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng không ngừng phát triển an toàn và bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong từng thời kỳ.</p> <p>— Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có tính hiệu lực cao nhất đối với mọi cán bộ trong Ngân hàng, trừ các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>— Các Phó Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc.</p> <p>28.2 Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng giám đốc</p> <p>— Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn</p>	Bỏ quy định này	Bỏ quy định này vì không cần thiết theo mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>được Tổng giám đốc phân cấp, Phó Tổng giám đốc được quyền thay mặt Tổng giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo mảng việc mà mình được Tổng giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng giám đốc có giá trị hiệu lực đối với Người quản lý Ngân hàng và các cá nhân có liên quan trong Ngân hàng tương tự như quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc.</p> <p>Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc được quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành do các Phó Tổng giám đốc ban hành.</p> <p>28.3 Báo cáo</p> <p>Tổng Giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo Phụ lục số 1 đính kèm.</p> <p>Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.</p> <p>Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công.</p>		
49.	<p>Điều 29. Người quản lý Ngân hàng và vai trò trong quản trị Ngân hàng.</p> <p>29.1. Người quản lý Ngân hàng là người đứng đầu 01 bộ phận/đơn vị trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng, bao gồm: Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc</p>	Bỏ quy định này	Bỏ quy định này vì không cần thiết theo mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>Khối, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Công ty con, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và các chức danh tương đương (không bao gồm Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc).</p> <p>29.2. Người quản lý Ngân hàng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương, lợi ích khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và/hoặc Ủy ban nhân sự của Hội đồng quản trị.</p> <p>29.3. Người quản lý Ngân hàng có nhiệm vụ quản lý, điều hành các hoạt động của bộ phận/đơn vị do mình phụ trách theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc và có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định, chỉ đạo của Tổng giám đốc.</p>		
50.	CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	Chương VIII QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	
51.	<p>Điều 32. Nguyên tắc phối hợp</p> <p>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng. – Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật và Ngân hàng. – Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có). 	Bỏ quy định này	Bỏ quy định này vì mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC không quy định.
52.	<p>Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</p> <p>33.1 Phối hợp trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác</p>	<p>Điều 37. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành</p> <p>1. Quan hệ công tác trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ</p>	Về cơ bản, nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” bằng “Người điều hành” cho phù hợp

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>khách hàng lớn, báo chí...</p> <p>33.2 Phối hợp trong triển khai các nhiệm vụ được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng giám đốc hoặc <u>Người quản lý Ngân hàng</u> phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có). - Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u>, Trưởng phòng/ban Hội sở chính Ngân hàng thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc nêu tại Phụ lục số 1. - Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u> thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện. - Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u> chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. - Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và <u>Người quản lý Ngân hàng khác</u> cần báo cáo 	<p>quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí và <u>các nội dung có liên quan khác thực hiện như sau:</u></p> <p>2. Quan hệ công tác trong triển khai các nhiệm vụ được giao <u>được thực hiện như sau:</u></p> <p>a) Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng giám đốc hoặc <u>Người điều hành khác</u> phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).</p> <p>b) Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.</p> <p>c) Thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc quy định tại Phụ lục số 1.</p> <p>d) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu.</p> <p>e) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.</p> <p>f) Ban điều hành và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên</p>	<p>với quy định tại khoản 5, 6 Điều 2, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.</p> <p>33.3 Phối hợp khác Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng tham gia các khoá học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Ngân hàng. Việc tham gia các khoá học nghiệp vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng không được ảnh hưởng đến công việc chung của Ngân hàng.</p>	<p>Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</p> <p>g) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.</p> <p><i>3. Tổng Giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo Phụ lục số 1 đính kèm. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công/giao.</i></p>	
53.	<p>Điều 35. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</p> <p>35.1 Phối hợp trong triển khai công việc được giao - Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u> có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u> gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản họp này. - Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u>, Trưởng phòng/ban Hội sở chính Ngân hàng thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc nêu tại Phụ lục số 1.</p>	<p>Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành</p> <p>1. Trường hợp xét thấy cần thiết, thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> gửi cho Ban kiểm soát 01 (một) biên bản họp này. 2. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành khác thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc quy định tại Phụ lục số 1. 3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên</p>	<p>Về cơ bản, nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” bằng “Người điều hành” cho phù hợp với quy định tại khoản 5, 6 Điều 2, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>- Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u> thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện.</p> <p>- Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, <u>Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u> cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.</p> <p>- Ban điều hành và <u>Người quản lý Ngân hàng</u> chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</p> <p>35.2 Phối hợp khác Tổng giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát tham gia các khoá học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Ngân hàng. Việc tham gia các khoá học nghiệp vụ của thành viên Ban kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của Ngân hàng.</p>	<p>quan đến mảng việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, thành viên Ban điều hành hoặc <u>Người điều hành khác</u> cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.</p> <p>5. Thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</p> <p>6. Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
54.	<p>CHƯƠNG IX</p> <p>ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH</p>	<p>Chương IX</p> <p>ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ <u>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</u></p>	

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<u>VIỆN BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ NGÂN HÀNG</u>		
55.	<p>Điều 39. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u></p> <p>39.1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên <u>Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u> có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:</p> <p>39.3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và <u>Người điều hành</u></p> <p>1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:</p> <p>3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát <u>và các chức danh khác do Ban kiểm soát bổ nhiệm.</u></p>	Về cơ bản, nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” bằng “Người điều hành” cho phù hợp với quy định tại khoản 5, 6 Điều 2, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
56.	<p>Điều 40. Tiêu chí đánh giá hoạt động</p> <p>Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, <u>Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u> bao gồm:</p>	<p>Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động</p> <p>Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> bao gồm:</p>	Về cơ bản, nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” bằng “Người điều hành” cho phù hợp với quy định tại khoản 5, 6 Điều 2, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
57.	<p>Điều 41. Xếp loại đánh giá cán bộ</p> <p>41.1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, <u>thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u> được phân thành ba loại như sau:</p> <p>a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;</p> <p>b. Hoàn thành nhiệm vụ được giao;</p> <p>c. Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>41.2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u> phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Ngân hàng.</p>	<p>Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ</p> <p>1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và <u>Người điều hành khác</u> phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Ngân hàng.</p>	Về cơ bản, nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” bằng “Người điều hành” cho phù hợp với quy định tại khoản 5, 6 Điều 2, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
58.	<p>Điều 42. Khen thưởng</p> <p>42.1 .Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, <i>Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</i> có thành tích...</p> <p>42.2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng,</p>	<p>Điều 43. Khen thưởng</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và <i>Người điều hành khác</i> có thành tích....</p> <p>2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, <i>trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</i></p>	Về cơ bản, nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” bằng “Người điều hành” cho phù hợp với quy định tại khoản 5, 6 Điều 2, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
59.	<p>Điều 43. Kỷ luật</p> <p>43.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, <i>Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</i> trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Ngân hàng.</p> <p>43.2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.</p> <p>43.3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện <i>theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng tại từng thời điểm.</i></p>	<p>Điều 44. Kỷ luật</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và <i>Người điều hành khác</i> trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Ngân hàng.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm. <i>Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm</i></p> <p>3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo <i>quy định nội bộ của Ngân hàng có hiệu lực trong từng thời kỳ.</i></p>	Về cơ bản, nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi thuật ngữ “Người quản lý Ngân hàng” bằng “Người điều hành” cho phù hợp với quy định tại khoản 5, 6 Điều 2, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
60.	Chưa có	<p>Chương X</p> <p>NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG</p>	
61.	Chưa có	<p>Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng</p> <p><i>Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.</i></p>	Nội dung này được xây dựng dựa trên quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và mẫu Thông tư số 95 hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
62.	Chưa có	<p>Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;</p> <p>h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p>	Nội dung này được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và mẫu Thông tư số 95 hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
63.	Chưa có	<p>Điều 47. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng</p> <p>Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.</p>	Nội dung này được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và mẫu Thông tư số 95 hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 44 Điều lệ Ngân hàng.
64.	CHƯƠNG VIII	Chương XI	Theo tên chương V được sửa đổi

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	cho phù hợp với Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
65.	<p>Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các <u>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u></p> <p>36.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng và những người liên quan không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Ngân hàng vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>36.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa Ngân hàng, công ty con/công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát với mình hoặc với người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật.</p> <p>36.3. Hội đồng quản trị và Ban điều hành phải đảm bảo Ngân hàng sẽ không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>36.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó <u>tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất</u></p>	<p>Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của <u>Người quản lý Ngân hàng</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các hợp đồng, giao dịch của đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó <u>hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.</u></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng</p>	Nội dung này được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p><u>hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong báo cáo thường niên.</u></p> <p>36.5. Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng</u> và người có liên quan không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng để tiết lộ cho người khác hoặc để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.</p>	<p><u>giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này</u> không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
66.	<p>Điều 37. Giao dịch với người có liên quan</p> <p><u>37.1. Khi Ngân hàng tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Ban điều hành phải đảm bảo hợp đồng được ký bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và phù hợp với quy định của Pháp luật. Ban điều hành phải tiến hành công bố thông tin nội dung hợp đồng theo các quy định của Pháp luật và Ngân hàng (nếu có).</u></p> <p><u>37.2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và các cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về người có liên quan của họ.</u></p>	<p>Điều 49. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, <u>Ngân hàng phải</u> ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.</p> <p><u>2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng thông qua việc kiểm soát các hợp đồng, giao dịch mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Ngân hàng.</u></p> <p><u>3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.</u></p>	<p>Nội dung này được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 25 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.</p>
67.	<p>Điều 38. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng</p> <p><u>38.1. Ngân hàng phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ Ngân hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.</u></p> <p><u>38.2. Ngân hàng chủ động hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng thông qua</u></p>	<p>Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng</p> <p><u>1. Ngân hàng phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</u></p> <p><u>2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.</u></p>	<p>Nội dung này được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 27 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.</p>

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p><u>việc:</u></p> <p><u>- Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Ngân hàng và đưa ra quyết định;</u></p> <p><u>- Khuyến khích những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.</u></p>		
68.	CHƯƠNG X XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC	Chương XII TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Tên Chương XII được sửa đổi cho phù hợp nội dung.
69.	<p>Điều 44. Xử lý vi phạm</p> <p>44.1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Ngân hàng (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.</p> <p>44.2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của</p>	Bỏ các quy định này	Bỏ quy định này vì mẫu Quy chế tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC không quy định.

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ 620/2012	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	Pháp luật và/hoặc Ngân hàng. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Ngân hàng, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng theo quy định.		
70.	Điều 45. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung 45.1. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 676/QĐ-NHNT.HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.	Bỏ các quy định này	Bỏ 45.1 vì đã có tại phần Quyết định ban hành.
71.	45.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do <u>Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.</u>	Điều 51. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do <u>Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.</u>	Nội dung sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thẩm quyền quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua/phê duyệt văn bản (ĐHĐCĐ).
72.	45.4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người quản lý Ngân hàng và các cán bộ, nhân viên Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.	Bỏ quy định này	Bỏ nội dung này vì đã có tại phần Quyết định ban hành
73.	Số thứ tự 12 Phụ lục 1 đính kèm: chưa quy định	Bổ sung “Báo cáo đánh giá hoạt động công nghệ thông tin định kỳ”	Xuất phát từ yêu cầu thực tế quản trị kinh doanh của Ngân hàng.